

Xung quanh vụ vua Minh Mạng tập trung các giáo sĩ thừa sai Âu Châu về Huế

NGUYỄN VĂN KIỆM^(*)

Sau khi lên ngôi được một số năm, vua Minh Mạng ban hành các sắc chỉ thể hiện một chính sách cấm đạo Thiên Chúa khá chặt chẽ, có hệ thống và có định hướng rõ rệt.

Các sắc chỉ cho thấy, ông không có ý định dùng ngay các biện pháp bạo lực để tiêu diệt đạo Thiên Chúa mà trước mắt tìm cách hạn chế tới mức tối đa sự lan rộng của đạo này và chỉ dùng đến biện pháp cưỡng chế khi cần thiết.

Để thực hiện ý đồ đó, đối với giáo dân, ông chủ trương trước hết nên dùng biện pháp giáo dục để họ quay trở lại với các tôn giáo, tín ngưỡng, tập tục truyền thống. Nhằm hỗ trợ cho biện pháp này, ông biên soạn *Thập điều giáo huấn*, cho rao giảng rộng rãi trong nhân dân. Nhưng biện pháp này tỏ ra vô hiệu, số người theo đạo ngày càng đông thêm. Vào những năm 30 thế kỷ XIX, nhất là sau cuộc khởi loạn của Lê Văn Khôi (1833), Minh Mạng đã cho thi hành những cuộc bắt đạo ráo riết, gây nhiều khó khăn và thiệt hại cho Giáo hội Thiên Chúa giáo ở Việt Nam. Tuy nhiên, do sự khôn khéo của giáo dân và chức sắc của các họ đạo, cũng như một số yếu tố khách quan khác, sự thiệt hại không quá lớn và đã không

xảy ra những cuộc sát đạo hàng loạt. Giáo hội Thiên Chúa giáo Việt Nam vẫn phát triển.⁽¹⁾ Vào năm 1800, số giáo dân trong cả nước là 310.000; đến năm 1840, nghĩa là 1 năm trước khi Minh Mạng chết, số giáo dân trong cả nước đã là 420.000, tức tăng thêm 110.000 người.⁽²⁾

Đối với các giáo sĩ thừa sai ngoại quốc, Minh Mạng ra lệnh: 1- Kiểm soát chặt chẽ các tàu buôn ra vào các hải cảng ngăn không cho các giáo sĩ thừa sai ngoại quốc xâm nhập đất liền; 2- Lệnh cho các giáo sĩ thừa sai ngoại quốc đã có mặt ở Việt Nam phải ở yên tại nhiệm sở, không được tự do đi lại truyền đạo nếu không có giấy phép của chính quyền; 3- Lệnh cho các giáo sĩ thừa sai hiện đang có mặt ở Việt Nam phải về tập trung ở Huế với lí do vua cần họ để phiên dịch những văn kiện, tài liệu bằng tiếng nước ngoài.

*. PGS., Đại học Sư phạm Hà Nội.

1. Xem thêm: Nguyễn Văn Kiệm. "Vua Minh Mạng có phải là Néron của Việt Nam. T/c Xưa và Nay, số 40 năm 1997 và "Sự du nhập của Đạo Thiên Chúa vào Việt Nam từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XIX". Hội Khoa học lịch sử Việt Nam xuất bản năm 2001.

2. Số liệu của *Encyclopedia of Religions and Ethics*, tập VIII, New York, 1915, trang 718 và 719.

Mục đích của những biện pháp này thực chất là nhằm tước bỏ phần đầu não - các vị chủ chăn - của Giáo hội Thiên Chúa giáo Việt Nam để nó tự bị tiêu diệt dần dần.

Về việc tập trung các thừa sai ngoại quốc về Huế, Nhà nước lệnh cho các quan phủ, huyện ở các tỉnh, nếu phát hiện được thừa sai ngoại quốc, phải bắt giải về kinh đô; giáo sĩ nào bằng lòng chấp hành lệnh sẽ được thưởng 3 nén bạc, tương đương 246 francs (lúc này cứ 3 francs tiền Pháp đổi được một quan tiền Việt).

Tuy nhiên, các thừa sai ở phía Bắc không ai chấp hành lệnh này và đều đi trốn lánh.

Riêng mấy giáo sĩ thừa sai ở phía Nam như Taberd, Gagelin, Odorico, v.v... có lẽ tin vào sự bảo lãnh của Tả quân Lê Văn Duyệt, nên đã về Huế năm 1827.

Ở đây, các thừa sai này được đón tiếp nồng hậu, được sắp xếp nơi ăn ở chu đáo, cử người hầu hạ, phát cho mỗi người hàng tháng 20 quan tiền và 5 học gạo (mỗi học khoảng 13 lít). Ai ốm đau đều được thầy thuốc đến chăm sóc, chữa bệnh.

Về công việc, trong thực tế, thi thoảng Minh Mạng cũng nhờ các thừa sai dịch một số giấy tờ, một vài đoạn sách, giải thích một số bản đồ, một số sự kiện lịch sử thế giới, các cuộc cách mạng Phương Tây hay các nhân vật lịch sử nổi tiếng như Napoléon I chẳng hạn.

Ngoài ra, các thừa sai được hoàn toàn nghỉ ngơi, đi lại tự do; song khi được biết các vị này vẫn lén lút đến các họ đạo để làm việc đạo, thì Minh Mạng

cử các tốp lính đến gác ngày đêm và theo dõi từng bước chân của họ.

Vào giữa năm 1828, cụ thể là vào tháng 6, do sự can thiệp của Lê Văn Duyệt, sự thỉnh cầu của các thừa sai và cũng là do lòng khoan dung của vua Minh Mạng, các giáo sĩ thừa sai đã đến Huế, nay được trở về nhiệm sở với điều kiện là phải chịu sự kiểm soát của chính quyền địa phương đúng theo pháp lệnh đã ban hành.

Kể từ đó cho đến khi Lê Văn Duyệt chết (1832), khởi loạn của Lê Văn Khôi bùng nổ (1833), chính sách cấm đạo của nhà nước phong kiến Nguyễn đã dịu đi rất nhiều: các giáo sĩ thừa sai bị bắt buộc phải về tập trung ở Huế, việc hành đạo của giáo dân trong cả nước diễn ra thuận lợi. Tình hình chỉ căng thẳng trở lại khi trong cuộc khởi loạn của Lê Văn Khôi thấy có mặt của Thừa sai Marchand và sự tham gia của một số giáo dân.

Từ năm 1833 đến năm 1840 đã có một số giáo sĩ thừa sai bị bắt, bị xử tử hình hoặc chết trong tù, vào những tình huống nhất định, song chủ yếu là do vi phạm pháp lệnh cấm đi lại tự do giảng đạo: Gagelin (1833), Marchand (1835), Cornay (1837), Jaccard và Barie (1838), Delamothe (1840), v.v...

Để minh họa cho tình hình đã nêu ở trên, xin trích dịch dưới đây những đoạn lấy trong thư của đương sự viết về cho các nhân vật quan trọng trong Giáo hội ở Pháp và một số tài liệu do Hội truyền bá Đức tin phát hành miêu tả diễn biến vụ tập trung các thừa sai về Huế của vua Minh Mạng.

1- *Thư của Thừa sai Taberd, Thế diện Tông toà, gửi ngài Challeton, Tổng giám mục giáo khu Lyon và ngài Durand, cha sở ở ST-Frénéé ở Lyon.*

“Huế, vương quốc Đàng Trong, ngày 28 tháng 2 năm 1828”.

“Năm ngoái, tôi đã viết về Pháp một bức thư, trong đó thông báo những tính toán khác nhau của nhà vua Đàng Trong nhằm bách hại tôn giáo, nay tôi xin kể tiếp. Các kế hoạch cấm đạo khác nhau do các quan trình bày, đã không được nhà vua đồng ý, nhưng nhà vua muốn thực hiện nó một cách khéo léo để đạt tới mục đích...”

Trong tháng 11 - 1826, tôi đau bệnh lị vẫn chưa khỏi. Vào cuối tháng 12, nhà vua gửi đến một viên thị đồng, một thông dịch viên và 6 người lính cùng với một cái cang để dẫn tôi về triều đình với lí do là để dịch một vài bức thư và còn nói thêm là tôi nên đem theo kinh sách và dẫn theo một số học trò mà tôi muốn. Các linh mục bản xứ, học trò và giáo dân ở đây rất hào hứng về việc nhà vua đã dành cho tôi một nghi thức đón tiếp long trọng như thế. Mặc dù bệnh của tôi nặng thêm, tôi buộc lòng chấp nhận phải ra đi. Tôi sợ rằng sự từ chối của tôi sẽ làm bùng nổ cuộc bách hại đạo mà tôi cũng không muốn bị mang tai tiếng. Vậy là tôi thuê một chiếc thuyền và ra Huế. Chưa rõ tình hình sẽ diễn biến thế nào, tôi nại cố bệnh tật để xin nhà vua cho được ở trong một ngôi nhà riêng, hơi xa cung điện và được nhà vua cho phép. Cho đến lúc đó mọi việc đều ổn. Nhưng hai hay ba ngày sau khi tôi đến, nhà vua ra sắc chỉ lệnh cho tất cả những thừa sai người

Âu đang có mặt trong vương quốc phải tập trung về kinh đô, bởi các ông Vannier và Chaigneau đã không còn ở đó, mà các thông dịch viên lại không dịch nổi các bức thư do nhà vua viết. Các quan phủ, huyện có trách nhiệm giao cho mỗi thừa sai chấp hành lệnh 3 nén bạc (246 Fr.) tiền thưởng. Các vị thừa sai ở phía Bắc không ai chấp hành lệnh. Họ đã làm đúng...”

“Vào những lúc tôi có một mình, nhà vua không cho ai đến canh gác chặt chẽ. Vua chỉ thỉnh thoảng gửi đến tôi một vài đồ vật nhờ tôi giải thích hoặc một số giấy tờ cần phải dịch. Mặc dù đang ốm tôi vẫn phải làm việc và nhiều khi rất khó chịu với những tên thị đồng thiếu lễ phép.

Vào tháng 6, hai người trong số đồng nghiệp của tôi ở miền Trong là Gagelin, thừa sai người Pháp, và cha Odorico, linh mục dòng Phan Sinh (Franciscain) Italia cũng đến. Các ông này do quan khâm sai gửi về. Ông nói rằng theo lệnh vua, các ông phải đến Huế vì nhà vua đang cần sự có mặt của những người Châu Âu. Quan khâm sai là người có lòng tốt, không biết rõ những ý đồ thâm kín của nhà vua. Nhưng khi biết rõ ý đồ không chính đáng của vua đối với chúng tôi, ông đã khóc. Sau đây là vài chi tiết về vị quan này: Ông rất xứng đáng được người Pháp coi trọng vì hầu như ông là người duy nhất yêu mến họ và nhắc tới những sự đóng góp to lớn của ngài Pigneaux và đất nước chúng ta. Ông được gọi là Thượng công và là người duy nhất nhà vua phải e sợ. Ông từng kịch liệt chống lại sự kế vị của ông vua hiện tại bởi ông vua này không phải là con của Chính thất,

nhưng vua cha vẫn không đổi ý... Nhận thấy những ý đồ không thân thiện của nhà vua với tôn giáo của chúng ta, chúng tôi đã viết thư cho ông,..., ông đã thốt lên: "Tôi hoàn toàn không biết gì về vụ việc này. Các thầy linh mục Pháp mắc những tội gì để phải bị xua đuổi. Nhà vua đã không nhớ lại những công lao của các thừa sai, đã cho gạo khi chúng ta đói, cho quần áo khi chúng ta rách rưới - nhà vua đã trả ơn họ như thế sao?..." Ông còn nói thêm: "Tôi sẽ đi Huế và sẽ nói với nhà vua". Và ông đã từ Đồng Nai về Huế vì nhiều công việc vào khoảng tháng 12 năm 1827. Vào lúc tôi đang viết bức thư này, ông vẫn còn ở đây. Ông đã tạo ra một cái cơ nào đó và có ý tốt mời tôi đến gặp. Tôi đã đến gặp ông hai lần và ông đã tiếp tôi niềm nở. Thấy ông tỏ cảm tình tốt với tôi, tôi đã tranh thủ kể hết tình cảnh của chúng tôi và các đồng nghiệp ở phía Bắc. Ông nói: "Tôi đã biết chuyện này từ khi còn ở Đồng Nai, và tôi đến đây cũng vì chuyện đó, nhưng trước hết tôi phải thăm dò thái độ của nhà vua". Sau đó, do muốn giúp đỡ chúng tôi và đạt được mong muốn ấy, ông đã tập hợp các bức thư trao đổi giữa nhà vua đã qua đời với ngài Pigneaux, trong đó khẳng định những công lao mà ông này đã đóng góp cho vương quốc. Ông cho chép lại, đóng con dấu của mình và mang về đây để trình lên đức vua. Ông quan này thật lòng muốn giúp đỡ chúng ta. Liệu ông có thành công? chỉ có Chúa mới biết".⁽³⁾

2. Thư của Gagelin, thừa sai Đàng Trong, gửi ngài Langlois, cha nhất chủng viện Hội Thừa sai Paris.

"Huế, tháng 2 - 1828".

"Chắc hẳn ngài đã biết sự việc gì đã diễn ra ở xứ này vào năm ngoái. Vào cuối năm 1826, nhà vua đã cho công bố trong toàn quốc một sắc chỉ ra lệnh cho tất cả những thừa sai đang có mặt ở đây phải tập trung về kinh thành, nếu trái lệnh sẽ bị bắt và bị trừng phạt. Ở phía Bắc không có ai chấp hành. Các vị linh mục dòng Đa Minh vẫn đang đi ẩn náu".

"Ở phía Nam, chúng tôi bắt buộc phải xuất hiện. Trước hết, nhà vua cử người đến đón ngài Taberd ở nhà trường. Ngài Jaccard đã bị tố giác với các quan. Nhưng hình như người ta không báo với nhà vua cho nên ông này vẫn được trở lại trường. Còn về phần ngài Régéroux và tôi thì cả hai đều kém sức khoẻ và vì chúng tôi không thể ẩn náu trong rừng rậm và bãi lầy, chúng tôi đành phải trình diện với ngài Tả quân. Chúng tôi chấp nhận làm vậy cũng bởi các giáo dân của chúng tôi ra sức khuyến khích, lại cũng còn vì ngài Taberd cũng không viết thư nói rõ là chúng tôi nên xử sự như thế nào. Ngài Tả quân đã để ông Régéroux ở lại trường, và chỉ gửi tôi đi cùng với ông Odorico, dòng Phan Sinh. Chúng tôi nghĩ đành phải chấp nhận hoàn cảnh dù chẳng muốn ở Huế làm thông dịch viên. Vị Tả quân có cảm tình đặc biệt với chúng tôi nói rằng khi nào muốn trở về Đồng Nai, chỉ cần biên thư cho ông. Khi ban hành sắc chỉ, nhà vua cũng thực lòng muốn tìm một vài vị thừa sai tài giỏi trong lĩnh vực chính trị và thiên văn như ngài Adrau, và quả thật ông cũng có nhiều thứ cần được phiên

3. *Annales de la propagation de la Foi*. T. 4, Paris 1830, c,c trang 357-361.

dịch. Nhưng dường như lí do chính để gọi chúng tôi về Huế là để ngăn không cho chúng tôi truyền bá đạo Thiên Chúa, bởi ông nghi ngờ các thừa sai và những người đi theo đạo là đứng về phía gia đình đáng được quyền thừa kế ngôi vua. Có một đôi lần khi chúng tôi mới đến, nhà vua hỏi chúng tôi có bằng lòng ở lại đây không, chúng tôi nói rằng muốn được đi từ tỉnh này sang tỉnh khác để giảng đạo như trước đây. Nếu chúng tôi tỏ vẻ bằng lòng thì rất có thể nhà vua cho chúng tôi được hưởng một sự tự do nào đó. Nhưng vào tháng 9, khi hầu như biết chắc chúng tôi vẫn còn đến các họ đạo lân cận, ông đã cho 3 toán lính thay nhau đến gác để ngăn chúng tôi đi truyền bá đạo Thiên Chúa mà ông cho là tà đạo... Ông Taberd, bị bệnh từ 15 tháng nay, vẫn còn được phép ở lại một họ đạo gần kinh thành trong một thời gian nữa. Hai lần nhà vua gửi thầy thuốc tới thăm ông và cho thuốc. Nhà vua cũng phát cho chúng tôi mỗi người 20 quan tiền và 5 học gạo mỗi tháng, tương đương như lương của quan nhị phẩm của triều đình. Ông cũng phong cho chúng tôi một chức quan, nhưng chúng tôi nhất thiết từ chối...⁽⁴⁾

3- *Thư của ông Jaccard, giáo sĩ thừa sai Miên Trong, gửi ông Langlois, cha nhất chủng viện Hội Thừa sai Paris.*

“Dương Sơn ngày 15-9-1828”.

“Thư đồng nghiệp kính mến”.

“Ngài Thế diện Tông toà của giáo phận chúng tôi, ông Taberd, và ông Gagelin hẳn là đã báo tin ngài biết là các vị ấy cuối cùng cũng đã được Đức vua Minh Mạng cho phép trở lại

Miên Trong. Các vị đồng sự kính mến này đã khởi hành về đó ngày 29-6-1828. Tôi rất vui được sống chung với các vị 12 ngày trước khi các vị ấy ra đi. Điều đó đã làm dịu đi đôi chút nỗi buồn phải nhìn thấy họ ra đi và để tôi ở lại một mình. Họ vừa mới khởi hành thì có một bức thư viết từ Bộ Ngoại giao bởi một người nhập quốc tịch Pháp (ông Diard) mà không ai dịch nổi”.

“Trong khi người ta bận rộn tìm cách dịch bức thư đó thì người thông dịch chính, vốn là một giáo dân tốt, muốn đi Touron (Đà Nẵng) để nhờ một vài người Pháp đang có mặt ở đó; nhưng có một người chối đạo được người ta gọi đến, đã nói to trước mặt các quan: “Việc gì phải đi Touron? Chả phải thầy Ninh (tên Việt Nam của thừa sai Jaccard) đang có mặt ở nhà trường đó sao? Sao không nhờ ông dịch bức thư đó?”.

Lập tức người ta báo với vua, sau đó vua cử viên thông dịch nói trên cùng với một thị đồng, mang bức thư đến cho tôi và dẫn tôi về kinh nếu sức khoẻ của tôi cho phép. Vậy là vào ngày 14-7, khi tôi vừa kết thúc buổi lễ thánh, người ta cho biết những người của nhà vua đã chờ ở cổng. Phải làm gì bây giờ?... , bản thân tôi muốn bỏ trốn,... tôi vạch hàng rào và trốn sang khu vườn bên cạnh. Tôi ở đó khoảng hai giờ, và có người đến nói với tôi là không thể trốn được nữa... Tôi đành phải về Huế. Tôi dịch thư cho nhà vua. Thấy tôi tỏ vẻ mệt nhọc, người thị đồng nhận trách nhiệm xin với nhà vua cho tôi về

4. *Annales de la propagation de la Foi*. T. 4, Paris 1830, các trang 363-365.

ngửi lại ở nhà trường để phục hồi sức khoẻ”...

“Tôi dám chắc rằng có kẻ đã tố giác tôi không muốn cho tôi được tự do như tôi đã có”, nhưng “nhờ sự tố cáo của y mà tôi lại được hưởng quyền hiện diện hợp pháp ở đây. Lúc đầu, tôi nghĩ nhà vua sẽ tức giận về việc tôi không chấp hành Sắc chỉ 1827 và sẽ bắt tôi phải chịu cảnh gò bó như các ông Taberd và Gagelin. Tuy nhiên, khi tôi xin được phép ở lại vùng ven đô, không nhận trợ cấp và một chức quan thì đều được chấp thuận. Người ta cũng không ép tôi rời khỏi nhà trường và mãi đến 25 tháng 8 tôi mới rời đi. Khi về đến họ đạo mà tôi đang ở hiện nay, cách đó thành hai dặm, tôi vẫn còn dịch những bức thư của các ông Chaingneau và Vannier. Có vẻ như không ai muốn gây phiền hà với tôi. Đã từ ba năm ở xứ này, tôi không được phép để mình lộ diện. Nhưng từ sau vụ vừa rồi, tôi rất được tự do, và hy vọng là tôi không phải ngồi rồi. Có một việc mà tôi làm bí mật, đó là việc cho gọi những học trò khá nhất của tôi đến để dạy dỗ cho đến khi nào ông Taberd báo cho biết cách thức tập trung họ ở một nơi nào đó; đó là vì ngôi trường ở Phượng Rou khó mà duy trì được bởi nhà vua và các quan đã coi nó như là bộ phận đầu não của giáo phận”.

“Ngày 4 tháng 10, khi bắt đầu viết bức thư này, tôi tìm cách thăm dò xem nhà vua có ý định giữ riết tôi ở đây không. Tôi xin phép được đi thăm các con tàu Pháp đang đậu ở Touron, và yêu cầu đó đã được chấp nhận không có khó khăn gì. Nhưng đúng vào hôm tôi định ra đi thì trời mưa và tôi bị đi lị nên phải từ bỏ dịp may được đi thăm

các linh mục và giáo dân ở Quảng Nam và Quảng Ngãi...”⁽⁵⁾

4. *Thư của thừa sai Bringol gửi ngài Ferry, cha nhất của chủng viện Nancy.*

Linh mục này trên đường đi Manilla, gặp gió lớn phải tạm lánh vào Đà Nẵng, đã viết:

“Đàng Trong... 1828”.

“Ông thuyền trưởng khi thấy không thể đi Manilla được, đã quyết định neo lại cảng Touranne ở Đàng Trong. Ở đây, chúng tôi có dịp mục kích giáo phận đang ở trong một tình trạng đáng buồn. Nhà vua, với mưu mô lớn, đã cho bắt ba thừa sai là các ông Taberd, cha nhất của giáo phận, ông Gagelin và ông Joseph, người Italia thuộc dòng Phan Sinh. Để đạt mục đích, nhà vua truyền cho các vị này phải ở gần mình bởi ông có việc cần thông báo với họ và hứa sẽ không làm gì có hại cho họ. Khi họ đến Huế, nhà vua cho biết là sẽ dùng họ như những thông dịch viên người Pháp. Vua đảm bảo phát cho mỗi người 600 franc một năm cùng 20 tải gạo, trong khi các thông dịch viên khác chỉ được lĩnh 60 franc và 9 tải gạo. Vua cũng cấp cho mỗi người một căn nhà và 6 người giúp việc, nhưng cấm các vị này không được đi đâu nếu không có giấy phép của một vị quan lớn và có một người lính đi kèm”.

“Các linh mục bản xứ thì được hoàn toàn tự do trong chức vụ của mình. Nhà vua chỉ e ngại các linh mục nước ngoài vì theo như ông nói, họ được phái đến đây bởi nhà vua Pháp và các

5. Sdd, các trang 372, 373, 374, 375.

nhà vua khác ở Châu Âu để khai thác xứ Đàng Trong và tạo điều kiện dễ dàng cho cuộc xâm lược”.⁽⁶⁾

5. *Thư của ông Jaccard, thừa sai, gửi các vị bề trên và các vị lãnh đạo Hội Thừa sai Paris.*

“King-Long ngày 5 tháng 12-1829.”

“Tôi tranh thủ con tàu Duchesse du Berri, vào lúc này đang ở Touranne để thông báo cho ngài đôi điều về giáo phận của chúng tôi. Các đồng sự của chúng tôi tất cả đều khoẻ mạnh... Tôi vẫn được đi lại tự do trong vùng phụ cận của kinh thành. Nhà vua cũng đôi khi nhờ tôi dịch một số giấy tờ cũ, hoặc tóm tắt lịch sử cuộc cách mạng, Bonaparte, cuộc chiếm đóng Ấn Độ của người Anh và những chuyện tương tự. Vào thời điểm này, ông không tỏ ra thù ghét gì chúng tôi”.⁽⁷⁾

Từ những gì đã trình bày ở trên, thấy có thể rút ra mấy nhận xét sau:

1. Biện pháp tập trung các thừa sai Châu Âu về Huế nhằm làm suy yếu Giáo hội Thiên Chúa giáo ở Việt Nam của vua Minh Mạng có thể coi như hoàn toàn thất bại. Đa số các thừa sai ngoại quốc có mặt ở Việt Nam lúc ấy không chấp hành lệnh, vẫn trốn tránh và lo toan việc đạo, chỉ một số ít thừa sai (3 người) chịu về Huế, song thời gian ở lại đây rất ngắn: từ đầu năm 1827 đến giữa năm 1828. Ngay khi đang bị quản thúc, họ vẫn lén lút đi làm việc đạo ở vùng ven kinh thành mà không gặp trở ngại gì lớn.

Sự thất bại của vua Minh Mạng trong vụ việc này trước hết là ở khâu tổ chức. Triều đình đã không thành lập một ban chuyên trách, cử người có năng lực cầm đầu để kiểm tra, đôn đốc việc thi hành mà chỉ khoán trắng cho các quan lại địa phương. Ở

đâu có quan lại cấp tỉnh là người theo đạo thì đương nhiên lệnh không được thi hành. Một số các quan đầu tỉnh khác không mấy nhiệt tình thi hành lệnh vì không muốn làm phức tạp thêm tình hình an ninh nơi mình cai quản. Thảng hoặc có nơi nào đó phát giác và bắt được giáo sĩ thừa sai, thì giáo dân lại gom góp tiền bạc lo lót cho quan lại để chuộc không mấy khó khăn. Cũng cần nhấn mạnh rằng, giáo dân Việt Nam, qua nhiều năm phải đối phó với việc cấm đạo của các triều đại phong kiến trước đây đã tích lũy được những kinh nghiệm phong phú để tự giấu mình và nhất là để che giấu các giáo sĩ thừa sai. Cuối cùng, cần đặc biệt nhấn mạnh thêm rằng người dân Việt Nam vốn rất khoan dung trong lĩnh vực tín ngưỡng nên hầu như đã không xảy ra những vụ xung đột mang tính thuần túy tôn giáo giữa dân bên lương và bên giáo hoặc những vụ tố cáo các thừa sai đang trốn tránh. Đó cũng là một đặc điểm được coi như một thuận lợi cho Giáo hội Thiên Chúa giáo nói chung và hoạt động của các thừa sai nói riêng.

2. Cũng có thể nói rằng, dưới triều vua Minh Mạng, từ năm 1820 đến trước năm 1833, tức khoảng hơn 10 năm, chính sách của Nhà nước phong kiến Nguyễn đối với Giáo hội Thiên Chúa giáo là khá khoan dung. Trước tình hình các thừa sai Âu Châu vẫn lén lút xâm nhập, các thừa sai đang có mặt ở trong nước không chấp hành lệnh tập trung, vua Minh Mạng không cho thi hành thêm những biện pháp quyết liệt

6. Sdd., các trang 381, 382.

7. Sdd., các trang 386,387.

nào khác ngoài những sắc chỉ đã ban. Cá nhân vua Minh Mạng đã đối xử tốt, mềm mỏng với các thừa sai về tập trung ở Huế, không tỏ ra giận dữ khi biết họ vẫn lén lút đi làm việc đạo, thậm chí có lúc còn tỏ ra có thiện cảm đối với các thừa sai và giáo dân. Năm 1830, nhân lễ mừng sinh nhật vua Minh Mạng 40 tuổi, thừa sai Jaccard có ý nhân ngày lễ Ascension (lễ Thăng Thiên), muốn tổ chức một lễ bên giáo để cầu phúc cho nhà vua, nhà vua vui vẻ nhận lời và nói: "Mọi tôn giáo trong nước đều cầu nguyện và chúc phúc cho ta. Vì vậy nếu người bên giáo cũng có ý ấy thì cứ để cho họ làm".⁽⁸⁾ Và thế là trong mấy ngày liền, với sự tham gia của dân bên giáo, lễ mừng thọ của vua Minh Mạng đã diễn ra linh đình vui vẻ.

Mức độ khoan dung này trong chính sách của vua Minh Mạng đối với Giáo hội Thiên Chúa giáo đã được chính Giáo hội Thiên Chúa giáo và các thừa sai thừa nhận.

Trong phần mở đầu cho mục "Giáo hội Thiên Chúa giáo Đàng Ngoài", Ban Biên tập tờ *Annales de la propagation de la Foi*, tập 4, xuất bản năm 1830, đã viết:

"Sắc chỉ của vua Minh Mạng đòi các thừa sai Âu Châu phải về kinh đã được ngừng thi hành theo lời thỉnh cầu của ngài Tả quân... Kể từ đó, người ta đã không cho tiến hành những cuộc tìm bắt các thừa sai nữa; và các quan thường thừa dịp này để ăn đút lót, đã không còn dựa vào sắc chỉ của vua để quấy rầy người bên giáo".⁽⁹⁾

Trong thư của thừa sai Journoud, đang phục vụ ở Bắc Kỳ, gửi về Pháp đề ngày 17-7-1830 có đoạn: "Tôi hiện đang ở Xứ Đoài... Hiện tại, các linh

mục và giáo dân bản xứ được hoàn toàn tự do".⁽¹⁰⁾

Thừa sai Marette ở Bắc Kỳ, trong thư gửi về Pháp, vào tháng 9 năm 1830 có đoạn: "Năm ngoái, vào ngày lễ mừng Đức Giám mục Gortyne, chúng tôi tập họp tới 30 linh mục ở đây... Chúng tôi được hoàn toàn bình yên... Quả thực có lúc tôi có cảm tưởng được sống bằng an dưới một chính phủ ngoại đạo hơn là dưới chế độ của một vài nhà nước theo đạo Thiên Chúa".⁽¹¹⁾ Trong một bức thư gửi về Pháp đề ngày 31-3-1830, Giám mục Takerd ở Đàng Trong khẳng định: "Tôn giáo của chúng ta vốn trước đây bị cấm, nay hoàn toàn không có một cuộc bách hại nào".⁽¹²⁾

Có cảm tưởng là nếu không có sự cố gì đặc biệt xảy ra, tình hình như trên sẽ vẫn còn kéo dài thêm nữa.

3. Cuộc khởi loạn của Lê Văn Khôi năm 1833 đã có tác dụng như một cú "sốc" làm cho chính sách cấm đạo của vua Minh Mạng trở nên quyết liệt hơn, và một số giáo sĩ thừa sai đã bị bắt, bị xử tử hoặc chết trong tù từ năm 1833 đến năm 1840, như đã nêu ở phần đầu bài viết.

Cuộc khởi loạn của Lê Văn Khôi đã làm bộc phát những nghi ngại đang tiềm ẩn trong nhận thức của nhà vua về những hậu quả của sự du nhập đạo Thiên Chúa; đó là nguy cơ của một cuộc đồng hoá về văn hoá dân tộc và của một cuộc xâm lược

8. Sđd, Thư của Jaccard viết ngày 8-8-1830.

9. Sđd, tr. 303

10. Sđd, Paris. 1931, tr. 341

11. Sđd, Paris. 1931, tr. 349.

12. Sđd, Paris. 1931.

vũ trang của các nước Châu Âu theo chân các giáo sĩ thừa sai. Minh Mạng đã làm tất cả những gì mà một nhà nước đang có chủ quyền cần phải làm trước những nguy cơ đó. Và, những năm từ 1833 đến 1840, đã diễn ra những cuộc bắt đạo khá gay gắt, gây nhiều thiệt hại cho Giáo hội Thiên Chúa giáo ở Việt Nam. Có cảm tưởng là vào những năm này, sự thiếu kiềm chế ở một phía nào đó đã khiến tình hình trở nên xấu hơn.

4. Tuy nhiên sự gay gắt của việc cấm đạo cũng như sự thiệt hại của Giáo hội Thiên Chúa giáo trong những năm này, nếu đem so sánh với những năm 1858-1861 (thời Tự Đức), nhất là khi có lệnh phân tháp giáo dân (1861) thì mức độ còn thấp hơn rất nhiều. Và nếu so sánh một cách tổng thể chính sách cấm đạo của vua Minh Mạng nói riêng và của Nhà nước phong kiến Nguyễn nói chung với chính sách cấm đạo của Nhật Bản, lại càng thấy rõ hơn mức độ khoan dung của chính sách cấm đạo ở Việt Nam: Năm 1614, số giáo dân ở Nhật Bản đã lên tới con số 1.800.000. Nhưng cũng trong năm này 117 linh mục dòng Jésuites và 27 thừa sai các dòng khác, trong đó có giáo sĩ Hội Thừa sai Paris, đã bị bắt và bị trục xuất đi Philippines. Từ đó cuộc bách hại đạo ngày càng quyết liệt. Ở Nagasaki, ngày 2-9-1622, có 10 linh mục dòng Jésuites, 6 linh mục dòng Dominicains, 4 linh mục dòng Franciscains và 32 nhà quý tộc Nhật Bản có đạo bị xử tử hình. Từ năm 1623, Sogun Jemitsu mỗi năm giết hại tới 200.000 giáo dân. Cho đến năm 1638, Thiên Chúa giáo hầu như bị xoá bỏ ở Nhật Bản. Cho mãi đến năm 1853, khi Mỹ cùng với Anh, Nga kí kết với Nhật Bản những điều ước mở cửa, giáo sĩ thừa sai các dòng

mới có cơ hội trở lại hoạt động và đến đầu thế kỉ XX (1913) số giáo dân ở đây cũng chỉ vồn vẹn có 69.755 người, một tỉ lệ rất thấp so với dân số Nhật Bản lúc bấy giờ.⁽¹³⁾

Một số sách nghiên cứu về Thiên Chúa giáo ở Việt Nam thường lên án gay gắt chính sách cấm đạo của nhà Nguyễn, và đặc biệt nhấn mạnh sự độc ác của vua Minh Mạng đối với giáo sĩ, giáo dân đạo Thiên Chúa và gán cho ông những cái tên thật xấu xa: "tên bạo chúa", "kẻ khát máu", "tay sai của quỷ Satan", "Néron của Việt Nam", v.v...

Với bài viết này, tôi muốn thông qua những tư liệu lịch sử cụ thể, nhất là những tư liệu xung quanh vụ vua Minh Mạng cho đòi các giáo sĩ thừa sai Châu Âu về Huế, đưa ra một cái nhìn toàn diện hơn, khách quan hơn về thái độ của vua Minh Mạng đối với đạo Thiên Chúa, về một nhân vật lịch sử mà phẩm chất và tài năng trị nước rất đáng được đề cao./.

13. Trích theo: *Encyclopedio of Religions and Ethics*. Tập VIII, New York, 1915, trang 721.